Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
Khóa ngày: 5-7-6/2025
Hội đồng: THPT Long Hải - Phước Tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	330001	Trần Duy An		26/05/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.50	3.50	3.25	11.25
2	330002	Trà Ngọc An An	x	10/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.25	7.00	3.25	17.50
3	330003	Trần Phước Thành An		26/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.50	7.75	2.00	14.25
4	330004	Nguyễn Thị Khánh An	x	05/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	6.25	4.25	16.75
5	330005	Nguyễn Thị Thúy An	x	02/08/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.25	8.25	8.75	23.25
6	330006	Nguyễn Tiến An		03/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	7.75	5.75	19.75
7	330007	Trần Duy Anh		17/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	5.00	5.25	15.00
8	330008	Nguyễn Đại Hoàng Anh		05/06/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.00	6.50	2.25	14.75
9	330009	Nguyễn Hoàng Lan Anh	x	11/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.25	5.50	4.25	14.00
10	330010	Nguyễn Lê Kim Anh	x	19/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	8.00	4.75	19.00
11	330011	Lê Nguyễn Phương Anh	x	22/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	7.00	4.50	17.75
12	330012	Phạm Quỳnh Anh	x	12/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	4.50	7.00	6.50	18.00
13	330013	Nguyễn Thị Huyền Anh	x	26/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.75	7.75	4.00	15.50
14	330014	Phạm Thị Ngọc Anh	x	02/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	7.50	6.25	19.75
15	330015	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	x	21/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.50	7.75	3.25	15.50
16	330016	Nguyễn Thị Trâm Anh	x	29/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.00	8.00	7.00	20.00
17	330017	Nguyễn Tuấn Anh		12/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	7.00	4.50	17.50
18	330018	Trần Ngọc Ánh	x	06/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	6.25	3.75	15.75
19	330019	Nguyễn Hoàng Ân		05/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	6.00	2.50	14.00
20	330020	Nguyễn Hoàng Ân		08/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	8.75	7.25	22.75
21	330021	Hoàng Hồng Ân		28/03/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	7.50	2.00	15.50
22	330022	Lê Gia Bảo		22/02/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.25	5.75	5.25	16.25
23	330023	Nguyễn Gia Bảo		15/05/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.00	4.75	5.75	14.50
24	330024	Nguyễn Gia Bảo		15/02/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.75	6.50	4.25	15.50
25	330025	Lê Hoàng Bảo		19/09/2009	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	7.50	3.75	17.00
26	330026	Mai Nguyễn Quốc Bảo		26/05/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.75	7.75	5.75	18.25
27	330027	Hoàng Quốc Bảo		03/06/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	7.00	8.00	8.25	23.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
28	330028	Nguyễn Văn Bách		05/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	6.00	7.00	19.00
29	330029	Lê Ngô Tiểu Băng	x	23/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.50	4.50	3.50	13.50
30	330030	Nguyễn Ngọc Bích	x	09/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	7.00	5.25	18.75
31	330031	Nguyễn Hải Bảo Châu	x	05/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.00	6.25	5.25	16.50
32	330032	Cao Ngọc Kim Chi	x	09/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	3.00	5.25	13.75
33	330033	Nguyễn Thị Lan Chi	x	11/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	2.50	2.50	3.25	8.25
34	330034	Nguyễn Vũ Hoàng Chi	x	02/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	5.75	5.00	16.75
35	330035	Đinh Thành Công		20/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.75	5.75	2.25	11.75
36	330036	Bạch Thành Danh		20/10/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.75	7.75	3.00	17.50
37	330037	Đinh Thành Danh		04/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	7.75	3.00	15.50
38	330038	Trần Thị Phương Di	x	01/12/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.50	6.00	5.00	18.50
39	330039	Nguyễn Thị Kiều Diễm	x	05/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.25	8.00	4.75	20.00
40	330040	Nguyễn Thị Thúy Diễm	x	04/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	8.00	8.75	7.00	23.75
41	330041	Trần Thị Ngọc Diệp	x	11/12/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.25	6.25	2.50	16.00
42	330042	Trần Ngọc Diệu	x	14/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.50	6.00	4.00	17.50
43	330043	Trần Thị Kim Dung	x	23/10/2010	THCS Phạm Hồng Thái	8.25	8.00	5.25	21.50
44	330044	Hồ Khánh Duy		29/04/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.75	7.75	4.50	18.00
45	330045	Nguyễn Lê Thành Duy		28/09/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.25	6.75	7.75	21.75
46	330046	Trương Ngọc Thúy Duy	x	08/09/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.25	8.00	4.50	16.75
47	330047	Lâm Quốc Duy		14/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.00	4.75	4.25	15.00
48	330048	Nguyễn Kỳ Duyên	x	25/03/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	8.50	8.75	3.00	20.25
49	330049	Nguyễn Ngọc Duyên	x	11/02/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.00	6.75	4.25	17.00
50	330050	Đào Ngọc Mỹ Duyên	x	23/10/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	7.25	3.75	18.00
51	330051	Nguyễn Thị Hồng Duyên	x	18/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	8.00	8.75	6.00	22.75
52	330052	Phạm Thị Hồng Duyên	x	31/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	8.50	8.00	5.25	21.75
53	330053	Nguyễn Trần Phương Duyên	x	20/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.50	7.25	6.50	19.25
54	330054	Nguyễn Tấn Dũng		16/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	5.00	5.00	16.00
55	330055	Nguyễn Đức Dương		29/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.00	5.25	3.00	12.25
56	330056	Huỳnh Thanh Dương		26/03/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	4.50	5.25	15.50
57	330057	Nguyễn Văn Dương		18/09/2010	THCS Phạm Hồng Thái	8.25	8.50	7.25	24.00
58	330058	Nguyễn Quang Đại		03/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	8.50	4.50	19.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
59	330059	Nguyễn Doãn Tiến Đạt		09/07/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	5.75	4.25	16.75
60	330060	Văng Lâm Công Đạt		09/06/2009	THCS Phạm Hồng Thái	7.25	5.00	2.50	14.75
61	330061	Võ Tấn Đạt		12/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.50	6.00	2.75	14.25
62	330062	Đinh Thành Đạt		16/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.50	8.00	6.75	21.25
63	330063	Đỗ Thành Đạt		20/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.75	4.75	3.75	15.25
64	330064	Lê Thành Đạt		09/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.00	6.75	5.75	17.50
65	330065	Nguyễn Thành Đạt		12/10/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	9.00	4.50	20.50
66	330066	Nguyễn Thành Đạt		11/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.50	3.25	3.00	9.75
67	330067	Phan Thành Đạt		24/07/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.25	7.50	3.50	18.25
68	330068	Nguyễn Hải Đăng		28/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.50	5.25	3.50	15.25
69	330069	Nguyễn Duy Đô		28/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	7.75	3.50	17.25
70	330070	Hồ Nhật Đông		02/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.25	6.75	4.50	18.50
71	330071	Phạm Lê Hồng Đức		12/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.50	7.25	4.00	16.75
72	330072	Nguyễn Quỳnh Giang	x	21/12/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.00	5.75	6.25	17.00
73	330073	Ngô Thị Hương Giang	x	14/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.00	4.50	3.50	15.00
74	330074	Phạm Lê Ngọc Giàu	x	02/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.00	5.25	4.25	15.50
75	330075	Nguyễn Tiến Hào		16/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	8.25	8.75	7.25	24.25
76	330076	Vũ Nguyễn Duy Hải		20/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.50	6.50	4.25	14.25
77	330077	Lê Phước Hải		11/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	8.00	5.50	19.25
78	330078	Hoàng Thị Hồng Hải	x	18/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	6.25	2.50	14.50
79	330079	Vũ Văn Hải		15/03/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	7.50	6.75	2.50	16.75
80	330080	Nguyễn Lê Ngọc Hảo		27/05/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.00	6.50	4.00	16.50
81	330081	Nguyễn Bảo Hân	x	30/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.50	4.25	3.25	11.00
82	330082	Nguyễn Phạm Khả Hân	x	08/03/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.50	7.25	3.00	16.75
83	330083	Trần Hùng Hậu		01/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	7.75	5.00	19.00
84	330084	Phạm Minh Hậu		07/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.50	7.75	5.25	20.50
85	330085	Trần Thị Minh Hiền	x	13/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	4.50	4.25	3.75	12.50
86	330086	Dương Thị Thu Hiền	x	30/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	6.25	2.75	15.00
87	330087	Lê Minh Hiển		15/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	7.75	4.75	18.00
88	330088	Trần Công Hiếu		03/11/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.50	6.25	2.50	13.25
89	330089	Nguyễn Ngọc Hiếu		04/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.25	2.75	6.00	14.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
90	330090	Nguyễn Trung Hiếu		02/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	8.25	5.00	19.25
91	330091	Lê Quốc Hiệp		23/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.00	6.50	4.00	17.50
92	330092	Nguyễn Quỳnh Hoa	x	24/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.50	7.25	4.50	19.25
93	330093	Nguyễn Thị Thu Hoài	x	06/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.00	8.00	5.25	19.25
94	330094	Nguyễn Chí Hoàn		23/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	8.75	3.75	18.50
95	330095	Nguyễn Huy Hoàng		24/04/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.50	4.00	4.00	13.50
96	330096	Ngô Thái Hoàng		02/03/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	7.00	3.00	17.00
97	330097	Phạm Triệu Hoàng		22/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.00	7.75	4.00	17.75
98	330098	Ngô Văn Hợp		16/04/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.50	6.75	4.25	17.50
99	330099	Nguyễn Đức Phương Huy		28/12/2009	THCS Phạm Hồng Thái	5.50	6.50	3.25	15.25
100	330100	Bùi Gia Huy		01/06/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.00	6.75	3.50	15.25
101	330101	Bùi Gia Huy		07/12/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.50	8.00	4.75	19.25
102	330102	Nguyễn Gia Huy		19/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	8.25	4.25	18.75
103	330103	Nguyễn Gia Huy		12/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	7.25	7.50	6.25	21.00
104	330104	Trần Gia Huy		31/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.25	6.00	3.75	14.00
105	330105	Lê Nguyễn Gia Huy		11/03/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.00	7.00	3.00	15.00
106	330106	Đỗ Văn Huy		18/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.00	8.50	5.00	20.50
107	330107	Lương Đoàn Ngọc Huyền	x	23/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	2.50	8.25	5.25	16.00
108	330108	Phan Nguyễn Ngọc Huyền	x	26/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	6.00	3.00	15.25
109	330109	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	x	21/10/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	7.00	8.00	9.50	24.50
110	330110	Trần Nhựt Huynh		09/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.00	6.75	4.00	15.75
111	330111	Nguyễn Huy Hùng		29/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.00	8.25	5.75	21.00
112	330112	Phạm Lê Gia Hùng		08/11/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.00	4.50	5.50	14.00
113	330113	Hoàng Phi Hùng		21/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.00	5.25	1.75	11.00
114	330114	Lê Thanh Hùng		17/09/2008	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.00	7.25	3.25	16.50
115	330115	Đoàn Tuấn Hùng		18/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.00	8.00	5.50	18.50
116	330116	Lại Gia Hưng		07/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.25	7.00	7.50	18.75
117	330117	Lê Hoàng Gia Hưng		16/05/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.00	5.75	3.25	14.00
118	330118	Vũ Khánh Hưng		23/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	7.50	5.00	18.75
119	330119	Cao Thị Thu Hương	x	10/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	8.00	4.50	19.00
120	330120	Tạ Thị Tuyết Hương	x	26/07/2009	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.50	6.75	4.25	17.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
121	330121	Nguyễn Thị Xuân Hương	x	08/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.00	6.00	2.75	15.75
122	330122	Nguyễn Thu Hương	x	08/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.25	7.00	4.00	16.25
123	330123	Phan Nhã Kha	x	30/10/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.00	7.50	7.75	20.25
124	330124	Hồ An Khang		31/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.50	4.25	4.25	14.00
125	330125	Phạm Đức Khang		19/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	6.00	5.00	16.75
126	330126	Nguyễn Huỳnh Khang		13/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.00	8.25	4.50	17.75
127	330127	Nguyễn Minh Khang		23/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	7.25	3.00	17.00
128	330128	Dương Quang Khang		20/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.00	6.75	4.50	17.25
129	330129	La Văn Khang		28/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.25	6.25	3.25	13.75
130	330130	Lê Minh Khanh		25/06/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	6.75	6.75	19.25
131	330131	Nguyễn Tấn Khải		24/02/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.50	5.25	4.50	15.25
132	330132	Phạm Duy Khánh		18/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.75	7.50	5.25	19.50
133	330133	Bùi Nguyễn Nam Khánh		13/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	3.75	5.50	5.00	14.25
134	330134	Phan Hoàng Anh Khoa		25/06/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.50	7.50	4.50	18.50
135	330135	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa		22/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.00	4.25	4.00	11.25
136	330136	Vũ Phạm Đăng Khoa		16/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	7.75	5.00	19.75
137	330137	Trần Quý Khoa		19/06/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	6.75	3.50	17.25
138	330138	Nguyễn Quang Minh Khôi		03/12/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.75	6.00	4.75	15.50
139	330139	Nguyễn Ngọc Tường Khuê	x	03/10/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.50	7.00	5.50	19.00
140	330140	Phan Trần Hoàng Khương		31/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.50	8.25	3.75	17.50
141	330141	Trần Nhân Kiệt		24/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	6.00	3.50	15.25
142	330142	Võ Tấn Kiệt		12/10/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.00	8.50	3.25	17.75
143	330143	Nguyễn Tuấn Kiệt		26/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.00	6.75	4.50	16.25
144	330144	Nguyễn Văn Kiệt		26/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.50	5.75	3.50	12.75
145	330145	Nguyễn Phạm Kha Linh Lan	x	05/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	5.25	4.50	16.25
146	330146	Vũ Thị Bảo Lan	x	22/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.50	7.50	3.25	17.25
147	330147	Nguyễn Thị Ngọc Lan	x	04/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.00	6.75	3.75	16.50
148	330148	Vũ Thị Ngọc Lan	x	09/06/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.25	4.00	3.25	12.50
149	330149	Phạm Huỳnh Lâm		05/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	8.25	3.75	19.00
150	330150	Trần Đoàn Khiết Linh	x	01/06/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.75	7.50	3.50	15.75
151	330151	Nguyễn Hoàng Phương Linh	x	25/11/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	7.25	8.00	22.25

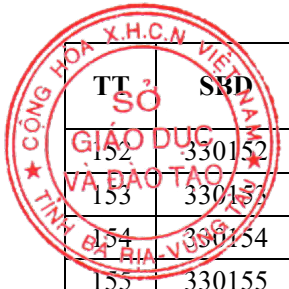

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
152	330152	Vũ Mai Ngọc Linh	x	05/10/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	8.00	3.75	17.75
153	330153	Bùi Thị Mai Linh	x	29/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.00	7.50	4.75	18.25
154	330154	Nguyễn Hoàng Long		30/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.00	5.00	2.25	11.25
155	330155	Nguyễn Hồng Long		02/02/2009	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.25	6.75	2.75	14.75
156	330156	Trần Hưng Long		24/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.00	5.50	5.50	15.00
157	330157	Trần Thanh Long		22/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.50	6.00	7.25	17.75
158	330158	Nguyễn Hoàng Luân		06/03/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.00	5.25	5.00	16.25
159	330159	Nguyễn Thanh Lực		26/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	8.00	5.50	19.00
160	330160	Đinh Thị Cẩm Ly	x	12/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.50	7.75	5.00	19.25
161	330161	Trần Thị Cẩm Ly	x	15/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.25	6.50	3.25	15.00
162	330162	Nguyễn Thị Trúc Ly	x	11/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.25	5.00	2.50	12.75
163	330163	Nguyễn Thị Trúc Mai	x	29/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	6.75	5.00	17.25
164	330164	Trần Thị Tuyết Mai	x	19/06/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.50	7.00	5.00	18.50
165	330165	Phan Bảo Minh		22/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	8.50	7.25	21.50
166	330166	Đinh Bình Minh		28/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	8.25	4.25	18.75
167	330167	Phạm Công Minh		27/12/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	7.25	5.25	18.75
168	330168	Nguyễn Hoàng Minh		03/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.25	6.00	2.75	13.00
169	330169	Trần Hoàng Minh		29/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	4.75	8.50	6.50	19.75
170	330170	Võ Hoàng Tú Minh	x	08/02/2010	THCS Phạm Hồng Thái	4.25	5.75	2.75	12.75
171	330171	Đoàn Hùng Minh		06/11/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	3.75	6.00	2.00	11.75
172	330172	Phan Ngọc Thảo Minh	x	27/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	8.25	5.00	19.50
173	330173	Nguyễn Văn Minh		28/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	6.00	1.75	12.75
174	330174	Trương Hải My	x	07/11/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.00	6.50	2.25	13.75
175	330175	Hắc Ngọc Phương My	x	18/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	7.00	7.50	20.25
176	330176	Nguyễn Thị Vũ My	x	10/11/2009	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.50	6.25	4.50	15.25
177	330177	Nguyễn Tiến Mỹ		12/12/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.50	8.75	2.75	16.00
178	330178	Trần Hạo Nam		09/10/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	7.75	4.00	17.50
179	330179	Ngô Hoàng Nam		09/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	4.00	5.00	2.75	11.75
180	330180	Nguyễn Hữu Nam		12/09/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	8.25	4.50	19.00
181	330181	Vũ Lê Hải Nam		28/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.00	8.25	8.00	22.25
182	330182	Nguyễn Phương Hoài Nam		30/05/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.75	8.00	4.25	18.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
183	330183	Trần Ngọc Ngân	x	07/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.00	2.75	2.25	9.00
184	330184	Nguyễn Ngọc Thu Ngân	x	03/02/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	3.50	5.75	3.75	13.00
185	330185	Trịnh Thị Ngân	x	23/04/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.75	6.25	5.00	16.00
186	330186	Lâm Thị Kim Ngân	x	14/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.50	8.00	5.00	17.50
187	330187	Nguyễn Thị Kim Ngân	x	13/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	5.75	4.75	16.25
188	330188	Đoàn Hữu Nghĩa		23/07/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.00	7.25	2.50	14.75
189	330189	Trần Trung Nghĩa		09/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.00	7.50	4.50	18.00
190	330190	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	x	12/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.50	8.50	5.25	21.25
191	330191	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	x	12/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	8.50	5.00	19.25
192	330192	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	x	01/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.00	6.50	5.25	16.75
193	330193	Đoàn Thị Ánh Ngọc	x	15/08/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	5.75	5.75	17.25
194	330194	Nguyễn Thị Đan Ngọc	x	15/07/2009	THCS Phạm Hồng Thái	4.75	6.50	2.50	13.75
195	330195	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	x	20/07/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	6.50	4.25	16.25
196	330196	Ngô Hoàng Sỹ Nguyên		14/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	7.50	4.00	17.25
197	330197	Nguyễn Khôi Nguyên		21/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.00	5.75	2.50	11.25
198	330198	Lê Ngọc Khánh Nguyên	x	17/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	8.00	4.25	19.00
199	330199	Lại Thị Ánh Nguyệt	x	26/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	7.50	4.25	17.50
200	330200	Trần Thị Thanh Nhàn	x	03/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	7.00	4.50	17.00
201	330201	Phạm Hoàng Nhân		05/08/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.00	6.75	3.50	15.25
202	330202	Lê Thành Nhân		15/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.50	4.00	2.75	13.25
203	330203	Nguyễn Thiện Nhân		22/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	8.25	3.00	16.25
204	330204	Trần Anh Nhật		25/09/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.50	6.00	8.00	20.50
205	330205	Nguyễn Đức Anh Nhật		21/10/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.00	8.25	5.50	18.75
206	330206	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	x	10/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.25	8.25	6.50	20.00
207	330207	Phạm Ngọc Thảo Nhi	x	30/03/2010	THCS Nguyễn Gia Thiều	6.75	6.25	5.25	18.25
208	330208	Nguyễn Thụy Vân Nhi	x	08/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	6.00	3.75	15.25
209	330209	Nguyễn Thị Hồng Nhung	x	03/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	7.25	3.25	16.25
210	330210	Lê Bùi Quỳnh Như	x	29/06/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.25	4.75	7.00	17.00
211	330211	Phạm Hoàng Ý Như	x	16/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.25	7.75	4.50	17.50
212	330212	Lê Huỳnh Như	x	24/02/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	7.25	4.25	17.25
213	330213	Nguyễn Ngọc Kim Như	x	30/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.25	6.25	6.50	19.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
214	330214	Trương Quỳnh Như	x	12/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.50	6.50	5.75	16.75
215	330215	Trần Thảo Như	x	01/01/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.75	8.25	5.50	21.50
216	330216	Nguyễn Thị Ngọc Như	x	01/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.50	8.50	3.25	18.25
217	330217	Bùi Thị Quỳnh Như	x	15/03/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.75	8.25	3.00	18.00
218	330218	Mai Thị Quỳnh Như	x	29/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.50	2.75	2.00	9.25
219	330219	Đinh Hoàng Oanh	x	12/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	5.50	3.25	14.50
220	330220	Nguyễn Thị Kiều Oanh	x	06/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	5.25	3.50	14.50
221	330221	Trần Ngọc Phát		14/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.50	8.25	7.00	20.75
222	330222	Hồ Tấn Phát		28/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	8.00	5.00	18.75
223	330223	Vũ Thành Phát		03/10/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.75	8.75	7.50	21.00
224	330224	Nguyễn Tiến Phát		23/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.00	5.75	3.25	13.00
225	330225	Phạm Dương Phi		17/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.25	6.50	3.50	13.25
226	330226	Nguyễn Duy Phong		17/08/2009	THCS Phạm Hồng Thái	5.00	7.75	3.75	16.50
227	330227	Lê Nguyễn Minh Phong		09/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.25	6.25	3.50	15.00
228	330228	Nguyễn Tấn Phong		04/06/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.50	3.75	7.75	17.00
229	330229	Đỗ Thái Phong		13/11/2008	THCS Hùng Vương (LĐ)	2.75	6.50	5.25	14.50
230	330230	Nguyễn Trần Lưu Phong		23/08/2010	THCS Đất Đỏ	4.50	1.50	3.75	9.75
231	330231	Lê Huỳnh Hữu Phú		09/01/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	7.75	5.50	20.00
232	330232	Hoàng Kim Phú		13/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	8.50	2.00	16.50
233	330233	Bùi Ngọc Phú		13/12/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.00	3.25	4.00	13.25
234	330234	Nguyễn Lâm Trọng Phúc		17/10/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.00	4.50	3.25	12.75
235	330235	Nguyễn Kim Phụng	x	23/06/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.75	7.25	2.50	14.50
236	330236	Nguyễn Thị Diễm Phương	x	14/03/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.25	5.00	3.25	12.50
237	330237	Nguyễn Thị Thùy Phương	x	17/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.00	6.00	3.25	14.25
238	330238	Đào Hoàng Đại Phước		25/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	6.50	4.50	17.25
239	330239	Trần Nguyễn Thiên Phước		23/10/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.50	4.75	4.50	16.75
240	330240	Võ Hồng Mẫn Quân	x	13/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.00	5.00	2.50	13.50
241	330241	Nguyễn Bảo Quốc		25/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.00	8.25	3.75	18.00
242	330242	Đặng Minh Quốc		05/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	8.00	6.75	7.00	21.75
243	330243	Lê Tấn Quốc		30/11/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.00	6.25	6.50	18.75
244	330244	Đào Phạm Tú Quyên	x	20/11/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	6.50	2.25	15.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
245	330245	Phạm Ngọc Quỳnh	x	22/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.50	7.50	6.75	18.75
246	330246	Nguyễn Thị Như Quỳnh	x	24/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	7.75	6.25	20.75
247	330247	Trần Võ Diễm Quỳnh	x	31/10/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	8.00	3.50	17.75
248	330248	Nguyễn Lê Phú Quý		24/06/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	6.50	6.25	18.50
249	330249	Phan Thị Kim Sa	x	26/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	6.00	1.25	14.00
250	330250	Đỗ Ngọc Sang		27/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.75	7.25	6.25	20.25
251	330251	Mang Thoại Sang Sang	x	06/06/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.75	8.25	4.00	19.00
252	330252	Thạch Mai Son		04/03/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.50	7.25	3.50	17.25
253	330253	Ngô Thái Sơn		16/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	4.50	2.50	12.75
254	330254	Nguyễn Thái Sơn		13/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.75	8.00	3.75	15.50
255	330255	Vũ Viết Sơn		24/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.75	6.00	3.25	16.00
256	330256	Trần Lê Thành Tài		06/09/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.50	5.75	4.75	16.00
257	330257	Phạm Ngọc Anh Tài		26/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	8.00	4.75	18.50
258	330258	Phan Tấn Tài		06/03/2009	THCS Trần Nguyên Hãn	6.50	7.25	4.50	18.25
259	330259	Phan Trà Tấn Tài		26/12/2009	THCS Trần Nguyên Hãn	5.25	4.75	3.50	13.50
260	330260	Thạch Ngọc Tâm		29/06/2008	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	6.25	6.00	18.00
261	330261	Huỳnh Nguyễn Thảo Tâm	x	23/12/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	7.00	6.25	20.00
262	330262	Ngô Nhật Tân		06/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.25	7.50	7.75	19.50
263	330263	Nguyễn Nhật Tân		25/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	7.25	5.50	18.50
264	330264	Tiết Ngọc Phương Thanh	x	16/08/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	7.00	9.50	8.00	24.50
265	330265	Trần Thùy Vân Thanh	x	24/04/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.25	7.00	4.00	17.25
266	330266	Nguyễn Phúc Thành		25/08/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.50	8.50	5.75	20.75
267	330267	Trần Phương Thảo	x	02/08/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	6.75	3.00	15.25
268	330268	Trương Thị Bích Thảo	x	18/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.00	5.75	1.75	11.50
269	330269	Nguyễn Thị Thanh Thảo	x	22/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	6.00	5.75	18.00
270	330270	Trần Thị Thanh Thảo	x	06/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.00	4.75	3.75	12.50
271	330271	Vũ Thị Thanh Thảo	x	01/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	3.50	4.00	12.50
272	330272	Nguyễn Hoàng Thái		30/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	6.75	3.25	16.25
273	330273	Nguyễn Quang Thái		08/05/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.25	2.75	2.75	9.75
274	330274	Tạ Đình Thắng		27/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.00	8.00	4.25	18.25
275	330275	Nguyễn Thị Ngọc Thêu	x	01/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.50	6.50	6.00	18.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
276	330276	Tống Trần Thanh Thế		24/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.50	8.75	6.25	22.50
277	330277	Phạm Nguyễn Quốc Thiên		07/04/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	8.25	2.25	16.25
278	330278	Phạm Chí Thiện		01/11/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.00	6.00	4.50	17.50
279	330279	Bùi Đức Thiện		28/07/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.00	4.50	3.50	14.00
280	330280	Trần Đức Thiện		04/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	6.25	2.00	13.00
281	330281	Phạm Thụy Yến Thịnh	x	09/09/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	8.00	7.00	20.75
282	330282	Huỳnh Kim Thơ	x	15/01/2010	THCS Nguyễn Thị Định	7.25	8.00	4.50	19.75
283	330283	Hồ Minh Thuận		08/06/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	7.25	2.00	16.00
284	330284	Nguyễn Minh Thuận		29/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	3.25	4.50	3.25	11.00
285	330285	Nguyễn Thị Kim Thuận	x	01/10/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	6.50	7.00	4.00	17.50
286	330286	Nguyễn Thị Thu Thủy	x	24/04/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.25	6.75	5.75	17.75
287	330287	Lê Anh Thư	x	10/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.50	8.25	3.75	18.50
288	330288	Hàn Ngọc Anh Thư	x	17/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	6.75	7.75	4.25	18.75
289	330289	Nguyễn Ngọc Anh Thư	x	18/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	3.75	5.00	3.50	12.25
290	330290	Phạm Hoài Thương	x	18/11/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	3.75	6.25	3.75	13.75
291	330291	Nguyễn Thị Hoài Thương	x	31/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.25	6.50	4.50	16.25
292	330292	Trương Bảo Thy	x	26/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	7.00	8.00	6.50	21.50
293	330293	Phạm Trúc Thy	x	04/11/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.00	7.00	3.50	16.50
294	330294	Lê Cẩm Tiên	x	28/06/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.50	8.00	3.75	18.25
295	330295	Trần Thụy Cẩm Tiên	x	15/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.75	2.00	3.25	9.00
296	330296	Nguyễn Thanh Tiền		01/05/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.50	8.25	6.00	21.75
297	330297	Nguyễn Thị Tiền	x	30/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.00	5.75	6.00	15.75
298	330298	Trần Thị Kim Tiền	x	10/02/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.00	5.75	2.75	13.50
299	330299	Nguyễn Văn Tĩnh		13/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.50	3.00	0.75	8.25
300	330300	Nguyễn Hữu Tín		04/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	8.25	7.25	4.25	19.75
301	330301	Nguyễn Đoan Trang	x	23/09/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.75	7.00	2.00	13.75
302	330302	Võ Nguyễn Thảo Trang	x	19/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.25	5.50	2.50	14.25
303	330303	Trần Thị Thu Trang	x	01/12/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.25	8.50	7.50	22.25
304	330304	Nguyễn Thị Thùy Trang	x	09/05/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.75	7.50	4.75	19.00
305	330305	Phạm Thị Thùy Trang	x	15/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	6.75	8.25	6.25	21.25
306	330306	Hồ Thuyền Trang	x	10/03/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	7.50	8.50	22.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
307	330307	Nguyễn Vũ Thùy Trang	x	30/11/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	6.25	4.25	16.00
308	330308	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	x	17/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.50	6.75	4.00	16.25
309	330309	Nguyễn Thị Anh Trâm	x	03/02/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.50	7.00	6.50	20.00
310	330310	Nguyễn Thị Bích Trâm	x	09/09/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.50	7.00	6.00	19.50
311	330311	Võ Thị Thu Trâm	x	17/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.25	5.75	3.75	13.75
312	330312	Phạm Gia Trân	x	04/11/2009	THCS Phạm Hồng Thái	8.00	9.00	5.50	22.50
313	330313	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	x	23/04/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.75	8.25	5.25	20.25
314	330314	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	x	15/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	8.25	4.00	19.00
315	330315	Nguyễn Thị Bảo Trân	x	14/09/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.25	7.50	5.25	20.00
316	330316	Phạm Nguyễn Minh Triết		23/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.25	6.75	4.00	17.50
317	330317	Huỳnh Minh Trí		14/09/2010	THCS Phạm Hồng Thái	7.50	6.75	4.25	18.50
318	330318	Dương Quang Trí		20/08/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.00	7.00	5.00	17.00
319	330319	Nông Viết Trí		15/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.75	6.75	6.00	19.50
320	330320	Đinh Tấn Trọng		14/05/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.75	8.00	4.50	17.25
321	330321	Lê Tấn Trung		17/04/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	6.75	7.25	19.50
322	330322	Nguyễn Thành Trung		18/09/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.00	5.25	3.75	13.00
323	330323	Phạm Đình Bảo Trúc	x	13/04/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.50	8.25	2.75	16.50
324	330324	Hà Thanh Trúc	x	21/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	7.00	8.25	4.75	21.00
325	330325	Hồ Thanh Trúc	x	19/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	6.00	7.25	5.25	18.50
326	330326	Ngô Thanh Trúc	x	14/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.75	5.75	5.25	16.75
327	330327	Phan Thanh Trúc	x	13/01/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.50	6.75	3.75	16.00
328	330328	Trịnh Thị Ngọc Trúc	x	29/03/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.00	6.75	4.75	16.50
329	330329	Lê Xuân Hồng Trúc	x	14/06/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	7.75	3.25	16.75
330	330330	Vũ Văn Trường		15/03/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	6.50	6.75	2.50	15.75
331	330331	Nguyễn Anh Tuấn		29/04/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	5.25	5.50	2.00	12.75
332	330332	Nguyễn Anh Tuấn		21/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	2.50	5.50	3.50	11.50
333	330333	Nguyễn Thanh Tuấn		12/09/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	2.00	5.00	4.75	11.75
334	330334	Trần Linh Thúy Tuyền	x	21/12/2010	THCS Phạm Hồng Thái	6.75	7.75	3.50	18.00
335	330335	Nguyễn Thị Tuyết	x	26/08/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.50	7.00	3.25	14.75
336	330336	Võ Nhựt Tùng		06/11/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.25	6.50	9.25	21.00
337	330337	Nguyễn Thị Cẩm Tú	x	21/12/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	6.75	8.00	4.00	18.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
338	330338	Trần Thị Kim Tươi	x	09/03/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	5.75	8.75	4.00	19.50
339	330339	Vũ Viết Ty		25/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	2.00	6.50	3.00	11.50
340	330340	Nguyễn Châu Phương Vân	x	26/07/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	5.75	7.50	5.50	18.75
341	330341	Đặng Thị Thúy Vân	x	17/02/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.00	6.50	3.50	14.00
342	330342	Thái Trần Thanh Vân		12/06/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.25	5.00	3.50	13.75
343	330343	Vũ Lã Tường Vi	x	18/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.75	8.75	6.25	20.75
344	330344	Mai Đức Vũ		03/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	7.25	3.75	16.00
345	330345	Hoàng Tiến Vũ		28/01/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.25	8.25	4.00	16.50
346	330346	Trần Văn Vũ		11/11/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.25	3.50	2.75	10.50
347	330347	Nguyễn Đặng Trúc Vy	x	15/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.50	5.00	3.75	14.25
348	330348	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	x	09/02/2010	THCS Phạm Hồng Thái	5.75	7.75	5.25	18.75
349	330349	Nguyễn Lương Tường Vy	x	15/02/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	6.50	2.50	14.50
350	330350	Nguyễn Ngọc Tường Vy	x	27/01/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.75	6.25	4.25	15.25
351	330351	Nguyễn Ngọc Yến Vy	x	05/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	8.25	4.25	18.00
352	330352	Ngô Nhã Vy	x	28/06/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	4.25	5.75	3.25	13.25
353	330353	Nguyễn Phạm Tường Vy	x	08/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.25	6.25	4.25	15.75
354	330354	Phạm Thảo Vy	x	31/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	5.25	3.75	14.00
355	330355	Nguyễn Thị Anh Vy	x	19/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	5.50	8.75	6.75	21.00
356	330356	Trần Thị Bảo Vy	x	21/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	3.50	5.25	2.50	11.25
357	330357	Nguyễn Thị Thúy Vy	x	05/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.25	8.00	4.25	17.50
358	330358	Nguyễn Thị Tường Vy	x	22/05/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.75	7.25	6.00	20.00
359	330359	Nguyễn Thị Tường Vy	x	10/10/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	5.50	8.00	5.75	19.25
360	330360	Lê Thụy Thùy Vy	x	25/01/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	6.25	4.50	15.50
361	330361	Võ Trần Kiều Vy	x	07/09/2010	THCS Nguyễn Thị Định	6.25	7.75	4.00	18.00
362	330362	Nguyễn Trần Lan Vy	x	24/09/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	4.50	7.50	2.50	14.50
363	330363	Nguyễn Tường Vy	x	11/05/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.75	5.25	2.00	12.00
364	330364	Nguyễn Tường Vy	x	03/02/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	5.00	4.75	5.00	14.75
365	330365	Phan Tường Vy	x	07/07/2010	THCS Trần Nguyên Hãn	7.00	8.00	4.00	19.00
366	330366	Phan Thái Vỹ		28/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (LĐ)	4.75	6.25	3.75	14.75
367	330367	Lê Phạm Thanh Xuân	x	02/04/2010	THCS Nguyễn Trãi (LĐ)	4.00	8.50	3.25	15.75
368	330368	Hoàng Thị Thanh Yến	x	08/02/2010	THCS Hùng Vương (LĐ)	3.75	8.25	4.50	16.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
369	230369	La Hồng Như Ý	x	01/05/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (LĐ)	4.75	6.25	4.25	15.25

Bảng này có 369 thí sinh. Có 369 thí sinh dự thi đủ môn.

** Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.*